

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HSST

Ngày: 11/3/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Trình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Minh Thiện;
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Yên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Trương Phạm Duy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

**Trần Huy B (BN)**, sinh năm: 1990 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố E, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Trần Văn N, sinh năm 1966 và bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1971; Vợ: Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1991 (đã ly hôn); Con: có 01 người con sinh năm 2012; Tiền sự: Quyết định số 02/2017/QĐ-TA ngày 09/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/11/2020 cho đến nay. (Có mặt)

**\* Bị hại:**

Trần Hoàng A, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Khu phố A, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Trần Vĩnh P, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Ấp D, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Trần Văn D, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Khu phố A, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

\* *Người làm chứng:*

- Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2001;

Nơi cư trú: Ấp TTT, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Nguyễn Văn C, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Ấp PL, xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Đào Thị Ngọc N1, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Ấp BT, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Mai Tuấn H1, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp AT, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 07/04/2020, bị cáo Trần Huy B rủ Nguyễn Hoàng K đi vòng vòng chơi. Sau đó, bị cáo B kêu K chở đến nhà Mai Tuấn H1 ở ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre để trả 300.000 đồng thiếu trước đó. Khi đến đầu hẻm vào đình Tân Thành (lúc này khoảng 23 giờ cùng ngày) thì bị cáo B kêu K chạy xe về trước, còn bị cáo B xuống xe đi vào gặp H1 để trả tiền. Lúc này, bị cáo B nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu yamaha, số loại Sirius, màu đen - trắng, biển số 71B1-609.99 của anh Trần Hoàng A đang dựng trong hẻm cụt, phía sau tiệm game Phúc nên hỏi H1 “Biết chiếc xe sirius đó của ai không?” thì H1 nói không biết và đi vào nhà. H1 vừa đi khỏi, bị cáo B liền lén lút đến bẻ khóa, lấy xe mô tô hiệu Sirius biển số 71B1-609.99 của anh A chạy về nhà của Nguyễn Văn C (CC) ở ấp PL, xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre cất giấu. Do nghi ngờ bị cáo B lấy xe nên anh A điện thoại hỏi bị cáo B thì bị cáo B thừa nhận đã lấy xe của anh A nhưng đã cầm cho người khác và yêu cầu anh A đưa 6.000.000 đồng để chuộc xe nhưng anh A nói chỉ có 5.000.000 đồng thì bị cáo B đồng ý và bảo H1 nhận giúp 5.000.000 đồng từ anh A. Sau khi thỏa thuận với anh A xong, bị cáo B kêu K chạy xe mô tô lấy trộm của anh A đến gửi vào quán cà phê – gội đầu Tường Vy ở ấp A, xã SĐ, thành phố BT, còn bị cáo B đến gặp H1 nhận 5.000.000 đồng của anh A đưa. Sau khi bị cáo B nhận được 5.000.000 đồng từ H1, anh A gọi điện cho bị cáo B, bị cáo B chỉ cho anh A đến quán Tường Vy nhận lại xe. Sau đó, hành vi của bị cáo B bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 71B1-609.99, số loại Sirius, màu đen trắng, số máy 5C64-875445, số khung C640CY875442 (do anh A giao nộp).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 608/KL-HĐĐG ngày 13/7/2020 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 71B1-609.99, số loại Sirius, màu đen trắng, số máy 5C64-875445, số khung C640CY875442, trị giá ngày 07/4/2020 là 12.260.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 05/CT-VKSTPBT ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo B từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo không có nghề nghiệp.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho ông Trần Văn D (cha ruột bị hại A) 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 71B1-609.99, số loại Sirius, màu đen trắng, số máy 5C64-875445, số khung C640CY875442.

Buộc bị cáo B trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho bị hại A.

Đối với Nguyễn Văn Ch và Đào Thị Ngọc N1 khi cho bị cáo B gửi xe mô tô biển số 71B1- 609.99 không biết tài sản do bị cáo B trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm.

Bị cáo B khai nhận vào khoảng 23 giờ ngày 07/04/2020, khi đến nhà H1 để trả tiền, bị cáo lấy trộm của anh A 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 71B1-609.99, số loại Sirius, màu đen trắng đang dựng trong hẻm cắt, phía sau tiệm game Phúc rồi chạy về nhà của C cất giấu. Anh A điện thoại hỏi bị cáo có lấy xe của anh A không thì bị cáo thừa nhận nhưng nói đã cầm cho người khác và yêu cầu anh A đưa 6.000.000 đồng để chuộc xe nhưng anh A nói chỉ có 5.000.000 đồng thì bị cáo đồng ý và kêu H1 nhận tiền từ anh A. Sau đó, bị cáo kêu K chạy xe đến gửi vào quán cà phê – gọi đầu Tường Vy. Sau khi bị cáo nhận được 5.000.000 đồng từ H1, anh A gọi điện cho bị cáo, bị cáo chỉ cho anh A đến quán Tường Vy nhận lại xe. Sau đó, hành vi của bị cáo bị phát hiện. Bị cáo đồng ý với kết quả định giá tài sản, đồng ý trả lại cho anh A 5.000.000 đồng, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bị cáo B không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo B tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, vào khoảng 23 giờ ngày 07/04/2020, tại khu vực tiệm game bắn cá Phúc thuộc ấp A, xã SD, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Á 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 71B1-609.99, số loại Sirius, màu đen trắng, số máy 5C64-875445, số khung C640CY875442, trị giá là 12.260.000 đồng.

[3] Bị cáo B là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Á có giá trị 12.260.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo B về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo B phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản vắng mặt để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo B có nhân thân xấu. Bị cáo đã bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích”; bị xử phạt vi phạm hành chính, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo B được hưởng là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo B không có nghề nghiệp nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho ông Trần Văn D (cha ruột bị hại Á) 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 71B1-609.99, số loại Sirius, màu đen trắng, số máy 5C64-875445, số khung C640CY875442.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận ông Trần Văn D (cha ruột bị hại Á) đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 71B1-609.99, số loại Sirius, màu đen trắng, số máy 5C64-875445, số khung C640CY875442.

Bị hại Á đã đưa bị cáo B 5.000.000 đồng để chuộc lại xe. Nay bị hại Á yêu cầu bị cáo B trả lại số tiền này. Xét thấy yêu cầu này của bị hại Á phù hợp với quy định pháp luật, bị cáo B đồng ý trả lại 5.000.000 đồng cho bị hại Á nên ghi nhận.

[9] Đối với Nguyễn Văn C và Đào Thị Ngọc N1 khi cho bị cáo B gửi xe mô tô biển số 71B1- 609.99 không biết tài sản do bị cáo B trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị cáo B phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Huy B (BN) phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Huy B (BN) 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2020.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho ông Trần Văn D (cha ruột bị hại Trần Hoàng Á) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 71B1-609.99, số loại Sirius, màu đen trắng, số máy 5C64-875445, số khung C640CY875442.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Ghi nhận ông Trần Văn D (cha ruột bị hại Trần Hoàng Á) đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 71B1-609.99, số loại Sirius, màu đen trắng, số máy 5C64-875445, số khung C640CY875442.

Buộc bị cáo Trần Huy B (BN) trả lại cho bị hại Trần Hoàng A số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Huy B (BN) phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị cáo Trần Huy B (BN) phải nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường PK, thành phố BT (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Ngô Văn Trình**